TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẠC LIÊU** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 07-10-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Định

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dư Thị Út

Bà Khưu Liên Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Bằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu tham gia phiên toà: Bà Lý Thể Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông **L** – sinh năm 1977. Địa chỉ: số A, đường T, Khóm C, Phường D, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. "vắng mặt".

2. Bị đơn: bà **Y** – sinh năm 1992. Địa chỉ: số C, đường L, Khóm S, Phường D, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông L trình bày:

Về hôn nhân: ông và bà Y tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2014, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống. Nay ông xác định vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và không có biện pháp hàn gắn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Y.

Về con chung: quá trình chung sống ông và bà Y có 02 người con chung tên T, sinh ngày 16/3/2014 và V, sinh ngày 28/9/2015. Hiện nay cháu T và

cháu V đang sống chung cùng bà Y. Khi ly hôn ôngL đồng ý giao cháu T và cháu V cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 4.000.000 đồng/cháu, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung đều không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về phía bị đơn bà Y trình bày:

Về hôn nhân: Bà thống nhất với lời trình bày của ông L về vấn đề hôn nhân cũng như mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng. Nay ôngL yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý ly hôn.

Về con chung: quá trình chung sống bà và ôngL có 02 người con chung như ôngL trình bày. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu ôngL cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 4.000.000 đồng/cháu. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung đều không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định không thuộc trường hợp phải thay đổi ai. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

Về nội dung vụ án: ôngL và bà Y chung sống với nhau từ năm 2014 nhưng không đăng ký kết hôn do vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ôngL và bà Y. Về con chung: Giao cháu T, sinh ngày 16/3/2014 và V, sinh ngày 28/9/2015 cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: ôngL có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 4.000.000 đồng/cháu cho đến khi cháu T, cháu V đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày xét xử sơ thẩm. Về tài sản chung và nợ chung đều không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông L yêu cầu ly hôn với bà Y, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Y cư trú tại số C, đường L, Khóm S, Phường D, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu

thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn ôngL và bị đơn bà Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ôngL và bà Y.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Ông L và bà Y tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2014, là sự kiện có xảy ra trên thực tế, được ôngL và bà Y thừa nhận. Tuy nhiên, quá trình sống chung theo ôngL và bà Y xác định vợ chồng không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: *"Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý"* và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: *"Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng"*. Đồng thời tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 của Luật này*; *nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này*".

Từ các căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông L, tuyên bố không công nhận ông L và bà Y là vợ chồng.

[3] Về con chung: ông L và bà Y thống nhất xác định quá trình chung sống ông bà có 02 người con chung tên T, sinh ngày 16/3/2014 và V, sinh ngày 28/9/2015. Hiện nay cháu T và cháu V đang sống chung cùng bà Y. Khi ly hôn ôngL và bà Y thống nhất giao cháu T và cháu V cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa ôngL và bà Y về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, phù hợp theo quy định pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của ôngL và bà Y, giao cháu T, sinh ngày 16/3/2014 và V, sinh ngày 28/9/2015 cho bà Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền ngăn cản.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử ghi nhận việc ông L và bà Y thống nhất xác định ôngL có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T, sinh ngày 16/3/2014 và V, sinh ngày 28/9/2015 mỗi tháng là 4.000.000 đồng/cháu (hai cháu là 8.000.000 đồng). Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/10/2019) cho đến khi cháu T, cháu V đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung: ông L và bà Y thống nhất xác định vợ chồng chung sống không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: ông L và bà Y thống nhất xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố

Bạc Liêu tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với đánh giá, nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[8] Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: ông L yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 81, Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110; Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: không công nhận ông L và bà Y là vợ chồng.

2. Về con chung: giao cháu T, sinh ngày 16/3/2014 và cháu V, sinh ngày 28/9/2015 cho bà Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, (hiện cháu T và cháu V đang sống chung cùng bà Y). Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T, sinh ngày 16/3/2014 và cháu V, sinh ngày 28/9/2015 mỗi tháng là 4.000.000 đồng/cháu *(Bốn triệu đồng trên một cháu)*. Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/10/2019) cho đến khi cháu T, cháu V đủ 18 tuổi.

4. Về tài sản chung: ông L và bà Y thống nhất xác định vợ chồng chung sống không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về nợ chung: ông L và bà Y thống nhất xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

6. Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: ông L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: ông L phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Ông L đã nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000578 ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu nên được chuyển thu toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp, ôngL còn phải nộp số tiền 300.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi Nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- Chi cục THADS TP. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

Phùng Văn Định